

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN 8
NĂM HỌC: 2021-2022

TUẦN 13: Từ 29/11/2021 đến 04/12/2021

Tiết 1: LUYỆN TẬP QUY ĐỒNG MẪU THỨC NHIỀU PHÂN THỨC

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu

Các em học thuộc quy tắc sau:

Muốn quy đồng mẫu thức nhiều phân thức ta có thể làm như sau:

- Phân tích các mẫu thức thành nhân tử rồi tìm mẫu thức chung;
- Tìm nhân tử phụ của mỗi phân thức;
- Nhân cả tử và mẫu của mỗi phân thức với nhân tử phụ tương ứng.

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Các em giải các bài tập:

Bài 14: Quy đồng mẫu thức các phân thức sau:

a) $\frac{5}{x^5y^3}$ và $\frac{7}{12x^3y^4}$

b) $\frac{4}{15x^3y^5}$ và $\frac{11}{12x^4y^2}$

Bài 18:(SGK/Tr 43)

Quy đồng mẫu thức hai phân thức:

$\frac{3x}{2x+4}$ và $\frac{x+3}{x^2-4}$

Bài 19:(SGK/ 43)

a, $\frac{1}{x+2}$ và $\frac{8}{2x-x^2}$

c, $\frac{x^3}{x^3-3x^2y+3xy^2-y^3}$ và $\frac{x}{y^2-xy}$

III/ Hoạt động 3: Bài tập về nhà

Các em làm bài tập 18b, 19b,c trang 43 SGK

18b.

$\frac{x+5}{x^2+4x+4}$ và $\frac{x}{3x+6}$

19b. $x^2 + 1, \frac{x^4}{x^2 - 1}$

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.

TIẾT 2. PHÉP CỘNG CÁC PHÂN THỨC ĐẠI SỐ**I. Hoạt động 1: đọc tài liệu và trả lời câu hỏi****1. Cộng hai phân thức cùng mẫu thức:****a/ Quy tắc:** (SGK/Tr 44)

Muốn cộng hai phân thức có cùng mẫu thức, ta cộng các tử thức với nhau và giữ nguyên mẫu thức

b/ Ví dụ: Cộng hai phân thức

$$\frac{x^2}{3x+6} + \frac{4x+4}{3x+6} = \frac{x^2+4x+4}{3x+6} = \frac{(x+2)^2}{3(x+2)} = \frac{x+2}{3}$$

HS. Thực hiện phép cộng ?1**2. Cộng hai phân thức có mẫu thức khác nhau:****HS. Thực hiện phép cộng ?2****- Quy tắc:** (SGK/Tr 45)

Muốn cộng hai phân thức có mẫu thức có mẫu thức khác nhau, ta quy đồng mẫu thức rồi cộng các phân thức cùng mẫu vừa tìm được

Ví dụ 2: Làm tính cộng

$$\frac{x+1}{2x-2} + \frac{-2x}{x^2-1}$$

- $2x-2 = 2.(x-1)$
- $x^2-1 = (x+1)(x-1)$

$$MTC = 2(x-1)(x+1)$$

$$\frac{x+1}{2x-2} + \frac{-2x}{x^2-1}$$

$$= \frac{(x+1)(x+1)}{2(x-1)(x+1)} + \frac{-2x.2}{2(x-1)(x+1)} = \frac{x^2+2x+1-4x}{2(x-1)(x+1)} = \frac{x-1}{2(x+1)}$$

HS. Thực hiện phép cộng ?3**HS. Thực hiện phép cộng ?4****II. Hoạt động 2: kiểm tra đánh giá quá trình tự học**

HS xem lại qui tắc và ví dụ rồi thực hiện các ?

21 Thực hiện phép cộng

$$\frac{3x+1}{7x^2y} + \frac{2x+22}{7x^2}$$

22 Thực hiện phép cộng:

$$\frac{6}{x^2+4x} + \frac{3}{2x+8}$$

23 Thực hiện phép cộng :

$$\frac{y-12}{6y-3} + \frac{6}{y^2-6y}$$

24 Thực hiện phép cộng :

$$\frac{2x}{x^2+4x+4} + \frac{x+1}{x+2} + \frac{2-x}{x^2+4x+4}$$

III/ Hoạt động 3: Bài tập về nhà

+ Hoàn thành bài tập 21; 22, 23a, c SGK/ 46.

+ Chuẩn bị bài Luyện tập

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

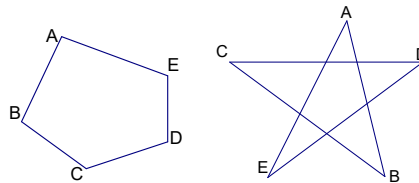
Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.

Tiết 3. ĐA GIÁC. ĐA GIÁC ĐỀU

I. Hoạt động 1: đọc tài liệu và trả lời câu hỏi

1. Khái niệm đa giác.



Đa giác ABCDE gồm 5 đoạn thẳng: AB, BC, CD, DE, EA. Các điểm A, B, C, D, E là các đỉnh, các đoạn thẳng AB, BC, CD, DE, EA là các cạnh của đa giác.

HS thực hiện ?1.

* *Khái niệm đa giác lồi:* (SGK trang 114)

Đa giác lồi là đa giác luôn nằm trong một nửa mặt phẳng có bờ là đường thẳng chứa bất kì cạnh nào của đa giác đó.

HS thực hiện ?2.

* *Chú ý:*(SGK trang 114).

HS thực hiện ?3.

2. Đa giác đều.

* *Định nghĩa:* (SGK trang 115)

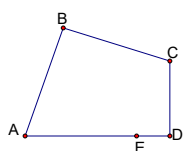
Đa giác đều là đa giác có tất cả các cạnh bằng nhau và tất cả các góc bằng nhau.

HS thực hiện ?4.

II. Hoạt động 2: kiểm tra đánh giá quá trình tự học

HS thực hiện ?1.

Tại sao hình gồm năm đoạn thẳng AB, BC, CD, DE EA ở hình 118 không phải là đa giác?

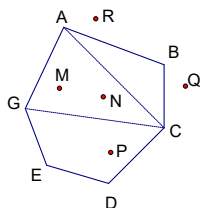


HS thực hiện?2.

Tại sao các đa giác ở hình 112, 113, 114 SGK trang 113 không phải là đa giác lồi?

HS thực hiện ?3.

Quan sát đa giác ABCDEEG ở hình 119 rồi điền vào chỗ trống trong các câu sau:



- Các **đỉnh** là các điểm: A, B,...
- Các **đỉnh kề nhau** là: A và B hoặc B và C,....
- Các **cạnh** là các đoạn thẳng: AB, BC,...
- Các **đường chéo** là các đoạn thẳng nối 2 đỉnh không kề nhau: AC, CG,...
- Các **góc** là: $\widehat{A}, \widehat{B}, \dots$
- Các điểm nằm trong đa giác là: M, N, ...
- Các điểm nằm ngoài đa giác là: Q, ...

HS thực hiện ?4.

Hãy vẽ các trục đối xứng và tâm đối xứng của mỗi hình 120a, b,c,d (nếu có)

III/ Hoạt động 3: Bài tập về nhà

- Học thuộc định nghĩa đa giác lồi, đa giác đều.
- Bài tập về nhà : 2, 3, 4, 5 trang 115 SGK.
- Chuẩn bị bài “Diện tích hình chữ nhật”

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A:	1.

	Phần B: Trong bài học	2. 3.
--	-------------------------------	----------

Tiết 4. DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT

I. Hoạt động 1: đọc tài liệu và trả lời câu hỏi

1. Khái niệm diện tích đa giác.

HS thực hiện ?1.

* Nhận xét: SGK trang 117.

- Số đo của phần mặt phẳng giới hạn bởi một đa giác được gọi là *diện tích đa giác đó*.

- Mỗi đa giác có một diện tích xác định. Diện tích đa giác là một *số dương*

* Tính chất: SGK trang 117

- Hình vuông có cạnh 10m thì diện tích là 1a.

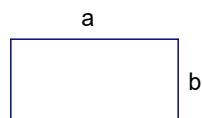
- Hình vuông có cạnh dài 100m có diện tích 1 ha.

- Diện tích đa giác ABCDE được kí hiệu: S_{ABCDE} .

2. Công thức tính diện tích hình chữ nhật.

Định lí:(SGK trang 117)

Diện tích hình chữ nhật bằng tích hai kích thước của nó:



$$S_{HCN} = a.b$$

Ví dụ: Tính S_{HCN} nếu $a = 1,2m$; $b = 0,4m$.

Diện tích hình chữ nhật là:

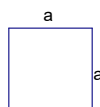
$$S = a.b = 1,2. 0,4 = 0,48(m^2)$$

3. Công thức tính diện tích hình vuông, tam giác vuông.

HS thực hiện ?2.

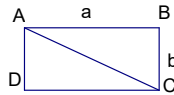
* *Kết luận:*

Diện tích hình vuông bằng bình phương cạnh của nó



$$S = a^2$$

Diện tích tam giác vuông bằng nửa tích hai cạnh góc vuông



$$S = \frac{1}{2} a.b$$

HS thực hiện ?3

II. Hoạt động 2: kiểm tra đánh giá quá trình tự học

HS thực hiện ?1.

Xét các hình A,B,C, D ,E vẽ trên lưới kẻ ô vuông(h.121), mỗi ô vuông là một đơn vị diện tích.

- Kiểm tra xem có phải diện tích hình A là diện tích 9 ô vuông, diện tích hình B cũng là diện tích 9 ô vuông hay không?
- Vì sao ta nói: diện tích hình D gấp bốn lần diện tích hình C?
- So sánh diện tích hình C với diện tích hình E.

HS thực hiện ?2.

Từ công thức tính diện tích hình chữ nhật hãy suy ra công thức tính diện tích hình vuông, tam giác vuông.

HS thực hiện ?3

Ba tính chất của diện tích đa giác đã được vận dụng như thế nào khi chứng minh công thức diện tích tam giác vuông?

III/ Hoạt động 3: Bài tập về nhà

- Học thuộc các công thức của bài.

- BTVN: Bài 6,7, 8 trang 118.

HD: Bài 8 áp dụng CT tính S tam giác vuông.

- Chuẩn bị tiết sau: Luyện tập.

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.